

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HSST  
Ngày: 29-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 163/2021/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2021/HSST-QĐ ngày 12/11/2021 đối với các bị cáo:

1. **Phan N**, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, ấp 7, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan D và bà: Lê E; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 14/10/2020, Ủy ban nhân dân xã B, huyện C ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 14/10/2020 đến ngày 14/01/2021 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo;

Nhân thân:

+ Ngày 24/7/2014, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 149/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2015;

+ Ngày 01/12/2016, Tòa án nhân dân huyện C xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 271/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2017;

+ Ngày 29/4/2021, Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc đối với bị cáo, thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng phép chất ma túy, chưa chấp hành.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Bị cáo có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. **Trần T**, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 29/1A ấp T, xã H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần X và bà: Nguyễn M; bị cáo có vợ, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Bị cáo có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn H, sinh năm 1959; địa chỉ: 18/4 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nên Phan N đi lang thang trên đường Đỗ Văn Dậy để tìm nơi trộm cắp tài sản. Khoảng 14 giờ ngày 01/3/2021, khi đến nhà số 18/4, ấp T, xã H, huyện Hóc Môn của bà Nguyễn H thì N thấy có cây mít nên leo rào vào hái trộm, sau khi quan sát, thấy nhà không có người nên N đi ra phía sau nhà bếp, lấy cái búa đập cửa kính rồi đột nhập vào phòng ngủ thấy có một túi xách để trên giường, N lục túi xách lấy trộm số tiền 70.000.000 đồng và một sợi dây chuyền bằng vàng.

N đem tài sản vừa trộm cắp đến nhà của T tại địa chỉ: 29/1A ấp T, xã H, huyện Hóc Môn, N lấy ra 700.000 đồng đưa cho T để mua ma túy về sử dụng. Sau đó, N cho T 10.000.000 đồng cùng dây chuyền bằng vàng và nói tiền, vàng do trộm cắp được mà có nhưng không nói rõ trộm cắp của ai và ở đâu. Số tiền còn lại, N đánh bài và tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà Nguyễn H trình báo đến Công an xã H, huyện Hóc Môn.

Quá trình truy xét, Công an huyện Hóc Môn đã triệu tập Phan N và Trần

T đến làm việc. N và T khai nhận hành vi phạm tội như trên. T biết số tiền 10.000.000 đồng và dây chuyền N đưa cho là do trộm cắp mà có nhưng không biết trộm cắp của ai, ở đâu và cũng không bàn bạc hứa hẹn trước với nhau về việc trộm cắp tài sản.

Vật chứng thu giữ: 10.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 47cm (hai đầu dây có ký hiệu 65%, LT); 02 cây búa; 01 ổ khóa. Các vật chứng trên, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

Tại kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn định giá 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng dài 47cm, loại vàng 680, có trọng lượng 2.280 (hai chỉ, hai phân, 8 ly) có giá là 7.866.000 đồng (bút lục 103-106)

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 24/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trần T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phan N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trần T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan N mức hình phạt từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần T mức hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị buộc bị cáo Phan N phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn H số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Số tiền 10.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 47cm (hai đầu dây có ký hiệu 65%, LT); 02 cây búa; 01 ổ khóa. Các vật chứng trên, Cơ quan điều tra đã giải quyết giao trả cho bị hại là bà Nguyễn H nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Phan N còn phải chịu thêm án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với nghĩa vụ bồi thường số tiền cho bị hại theo quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi sử dụng ma túy đá, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được ma túy, không thu được dụng cụ sử dụng ma túy. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Đối với hành vi đánh bạc của Phan N, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm các đối tượng cùng đánh bạc với N nên đề nghị xử lý sau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Các bị cáo và bị hại có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 290, Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo Phan N, Trần T và bị hại Nguyễn H.

[3] Lời khai của các bị cáo Phan N và Trần T tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai bị hại, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và các chứng cứ tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 01/3/2021, tại địa chỉ nhà số 18/4, ấp T, xã H, huyện Hóc Môn của bà Nguyễn H, Phan N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn H là số tiền 70.000.000 đồng và một sợi dây chuyền bằng vàng trị giá 7.866.000 đồng (tại kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn). N đem tài sản vừa trộm cắp đến nhà của Trần Danh T tại địa chỉ: 29/1A ấp T, xã H, huyện Hóc Môn, N lấy ra 700.000 đồng đưa cho T để mua ma túy về sử dụng. Sau đó, N cho T 10.000.000 đồng cùng dây chuyền bằng vàng và nói tiền, vàng do trộm cắp được mà có nhưng không nói rõ trộm cắp của ai và ở đâu. T biết số tiền 10.000.000 đồng và dây chuyền N đưa cho là do trộm cắp mà có nhưng không biết trộm cắp của ai, ở đâu và cũng không bàn bạc hứa hẹn trước với nhau về việc trộm cắp tài sản. Số tiền còn lại, N đánh bài và tiêu xài hết. Hành vi nêu trên của Phan N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của Trần T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của xã hội nên cần có một hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội.

[5] Đối với hành vi sử dụng ma túy đá, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được ma túy, không thu được dụng cụ sử dụng ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[6] Đối với hành vi đánh bạc của Phan N, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm các đối tượng cùng đánh bạc với N để xử lý về hành vi của N và các đối tượng nên xử lý sau.

[7] Về tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp; Bị cáo Trần T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

- Về nhân thân của bị cáo Phan N: Ngày 24/7/2014, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 149/2014/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2015; Ngày 01/12/2016, Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 271/2016/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2017; Ngày 29/4/2021, Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng phép chất ma túy, bị cáo chưa chấp hành.

[8] Về vật chứng của vụ án: Số tiền 10.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 47cm (hai đầu dây có ký hiệu 65%, LT); 02 cây búa; 01 ổ khóa. Các vật chứng trên, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại là bà Nguyễn H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị hại là bà Nguyễn H yêu cầu bồi thường cho bà số tiền 60.000.000 đồng trong tổng số tiền 70.000.000 đồng bị cáo Phan N trộm cắp của bà. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bà H số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, bà H yêu cầu bị cáo đã trộm cắp tài sản phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ. Đồng thời, tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo Phan N, bị cáo trình bày chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bị hại. Vì vậy, cần buộc bị cáo Phan N phải bồi thường toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại bà Nguyễn H là phù hợp.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phan Văn Nam còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng các điều luật:**

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan N;
- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần T;
- Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 5 Điều 328; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333; Điều 290; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**2. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Phan N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trần T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

**3. Về mức hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Phan N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2021;

Xử phạt bị cáo Trần T 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2021.

**4. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa** cho bị cáo Trần T đang bị tạm giam nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác do bị cáo có thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

**5. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:**

Buộc bị cáo Phan N phải bồi thường cho bà Nguyễn H số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**6. Về án phí sơ thẩm:**

- Bị cáo Phan N, Trần T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Phan N chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Các bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn;
- UBND xã T, huyện Hóc Môn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thương**

